

UBND XÃ THIỆU TRUNG  
PHÒNG KINH TẾCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PCTT

Thiệu Trung, ngày tháng năm 2026

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN  
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Thuế Cơ sở 6 tỉnh Thanh Hóa

**I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC**1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính<sup>(1)</sup>:.....1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ<sup>(2)</sup>: Ngày 27 tháng 4 năm 2026**II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**2.1. Tên<sup>(3)</sup>: Ông Nguyễn Xuân Tuyên Năm sinh: 19622.2. Địa chỉ<sup>(4)</sup>: Thôn 3, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá.

2.3. Số điện thoại liên hệ: ..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân<sup>(5)</sup>: CCCD số 038 062 001 874 do Cục cảnh sát cấp ngày 28/6/20212.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính<sup>(6)</sup>: Cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu.**III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT****3.1. Thông tin về đất**

3.1.1. Thửa đất số: 1214; Tờ bản đồ số: 21

3.1.2. Địa chỉ tại<sup>(7)</sup>: Thôn 3, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá.

3.1.3. Giá đất:

- Vị trí theo Bảng giá đất:

Đường/đoạn đường/khu vực: Đường lên thôn từ thôn 2 đến thôn 6

- Giá đất theo bảng giá: 3.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.3.1.4. Diện tích thửa đất: 364 m<sup>2</sup>.- Diện tích sử dụng chung: 364 m<sup>2</sup>.- Diện tích sử dụng riêng: 0 m<sup>2</sup>.- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 0 m<sup>2</sup>.- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 364 m<sup>2</sup>.- Diện tích đất trong hạn mức: 200 m<sup>2</sup>.- Diện tích đất ngoài hạn mức: 0 m<sup>2</sup>.3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất sử dụng ổn định từ sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993: 300m<sup>2</sup> theo điểm a, khoản 2, điều 141 Luật đất đai 2024. Sử dụng ổn định trước ngày 1/7/2014: 64m<sup>2</sup> theo điểm d, khoản 3, điều 138, Luật đất đai năm 2024

- 3.1.6. Mục đích sử dụng đất <sup>(8)</sup>: Đất ở 200m<sup>2</sup>; đất trồng CLN: 164m<sup>2</sup>  
 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Đất ở: Lâu dài; đất trồng CLN: 50 năm kể từ ngày cấp GCN  
 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: từ sau 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993  
 3.1.9. Hình thức sử dụng đất<sup>(9)</sup>:  
 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất<sup>(10)</sup>:

**3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất**

- 3.2.1. Loại nhà ở, công trình: .....; cấp hạng nhà ở, công trình: .....  
 3.2.2. Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>  
 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng: .....m<sup>2</sup>  
 3.2.4. Diện tích sở hữu chung: .....m<sup>2</sup>; Diện tích sở hữu riêng: .....m<sup>2</sup>  
 3.2.5. Số tầng: ..... tầng; trong đó, số tầng nổi: .....tầng, số tầng hầm: .....tầng  
 3.2.6. Nguồn gốc: .....  
 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: .....  
 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: .....

**IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC**

1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (*không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm*):

- Diện tích đất: .....m<sup>2</sup>; - Giá đất tính tiền thuê đất: .....

2. Đối với thuê đất có mặt nước:

- Diện tích đất: .....m<sup>2</sup>; - Diện tích mặt nước: .....m<sup>2</sup>

- Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất: .....

**V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH** (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ)

- Tiền sử dụng đất: Không.

- Lệ phí trước bạ: Không.

**VI. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP <sup>(12)</sup>**

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất;

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Chủ tịch, các phó chủ tịch b/c
- Lưu VT, PKT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Vũ**

